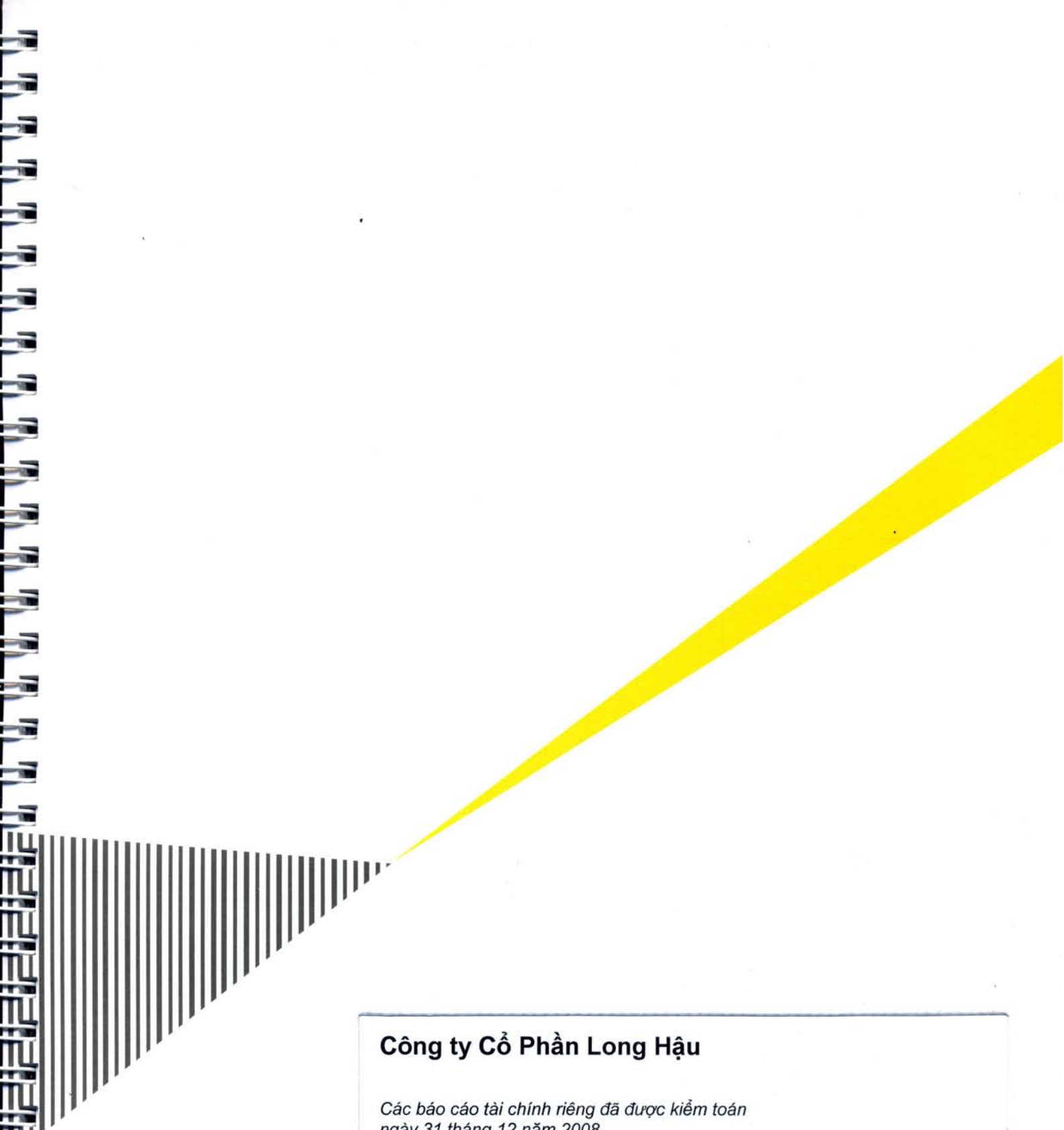




Công ty Cổ Phần Long Hậu

*Các báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán
ngày 31 tháng 12 năm 2008*

và báo cáo của Hội đồng Quản trị

Ernst & Young

 **ERNST & YOUNG**

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	3
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán riêng	4 - 5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	6
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	7
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	8 - 20

Công ty Cổ Phần Long Hậu

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ Phần Long Hậu ("Công ty") trình bày báo cáo này và các báo cáo tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm kết thúc cùng ngày.

CÔNG TY

Công ty là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5003000142 ngày 23 tháng 5 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Long An cấp và Giấy chứng nhận đầu tư số 50221000001 ngày 1 tháng 12 năm 2006 do Ban Quản Lý Các Khu Công Nghiệp Long An cấp và theo các Giấy phép Điều chỉnh sau đây:

Giấy Chứng nhận Đầu tư số 50221000001 – Điều chỉnh lần 1	Ngày cấp 3 tháng 5 năm 2007
Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 5003000142 – Điều chỉnh lần 1	9 tháng 11 năm 2007
Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 5003000142 – Điều chỉnh lần 2	19 tháng 2 năm 2008

Hoạt động chính của Công ty là xây dựng cơ sở hạ tầng cho khu công nghiệp và cho thuê lại đất đã phát triển cơ sở hạ tầng.

Công ty có trụ sở chính tại Xã Long Hậu, Huyện Cần Giuộc, Tỉnh Long An.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀ CỔ TỨC

Lãi sau thuế trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 là 143.110.413 ngàn đồng Việt Nam (2007: 45.297.647 ngàn đồng Việt Nam).

Trong năm, Công ty đã chi trả cổ tức trị giá 27.031.684 ngàn đồng Việt Nam (2007: 0) được trích từ tổng lợi nhuận chưa phân phối vào cuối năm là 149.075.779 ngàn đồng Việt Nam (2007: 45.285.717).

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay trình bày trong các báo cáo tài chính riêng.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Bùi Văn Ảnh	Chủ tịch
Ông Đoàn Hồng Dũng	Thành viên - Tổng Giám đốc
Ông Diệp Dũng	Thành viên
Ông Đoàn Hồng Tâm	Thành viên
Bà Võ Thị Huyền Lan	Thành viên
Bà Phạm Thị Như Anh	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty kiểm toán Ernst & Young bày tỏ nguyện vọng được tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ Phần Long Hậu

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo các báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính; và
- lập các báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính riêng.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính riêng kèm theo. Các báo cáo này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2008, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định có liên quan.

Thay mặt Hội đồng Quản trị:



Đoàn Hồng Dũng
Thành viên - Tổng Giám đốc

Ngày 12 tháng 3 năm 2009

Số tham chiếu: 60752786/13555683

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị Công ty Cổ Phần Long Hậu**

Chúng tôi đã kiểm toán bằng cân đối kế toán riêng ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Công ty Cổ Phần Long Hậu ("Công ty"), báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng có liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo ("các báo cáo tài chính riêng") được trình bày từ trang 4 đến trang 20. Các báo cáo tài chính riêng này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính dựa trên việc kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến kiểm toán

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các quy định của các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và Quốc tế được áp dụng tại Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được mức tin cậy hợp lý về việc các báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu. Việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, theo phương pháp chọn mẫu, các bằng chứng về số liệu và các thuyết minh trên các báo cáo tài chính. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán đã được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban Giám đốc Công ty cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán của chúng tôi cung cấp cơ sở hợp lý cho ý kiến kiểm toán.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2008, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định có liên quan.




Công ty trách nhiệm hữu hạn Ernst & Young Việt Nam


Narciso T. Torres Jr.
Phó Tổng Giám đốc
Kiểm toán viên công chứng
Số đăng ký: N.0868/KTV


Đoàn Thị Thu Thủy
Kiểm toán viên phụ trách
Kiểm toán viên công chứng
Số đăng ký: N.1070/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 17 tháng 3 năm 2009

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
ngày 31 tháng 12 năm 2008

Ngàn VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		377.399.288	427.575.630
110	I. Tiền	3	69.205.529	139.116.313
111	1. Tiền		29.332.863	110.271.626
112	2. Các khoản tương đương tiền		39.872.666	28.844.687
120	II. Các khoản đầu tư ngắn hạn		-	21.221.000
121	1. Đầu tư ngắn hạn		-	21.221.000
130	III. Các khoản phải thu		134.623.680	92.547.808
131	1. Phải thu khách hàng		120.555.482	82.982.094
132	2. Trả trước cho người bán		7.537.435	7.011.646
135	3. Các khoản phải thu khác	4	6.530.763	2.554.068
140	IV. Hàng tồn kho		165.130.646	160.975.490
141	1. Chi phí phát triển Khu Công nghiệp	5	165.130.646	160.975.490
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		8.439.433	13.715.019
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		111.468	35.081
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		-	6.153.118
158	3. Tài sản ngắn hạn khác	6	8.327.965	7.526.820
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		200.354.177	7.829.441
210	I. Khoản phải thu		17.483.413	898.665
211	1. Phải thu khách hàng		17.483.413	898.665
220	II. Tài sản cố định		29.012.420	6.194.687
221	1. Tài sản cố định hữu hình	7	10.548.930	6.194.687
222	Nguyên giá		12.211.700	6.710.463
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.662.770)	(515.776)
230	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	8	18.463.490	-
250	III. Tài sản dài hạn khác		153.858.344	736.089
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết	9.1	105.000.000	-
258	2. Đầu tư vào dài hạn khác	9.2	50.050.007	-
259	3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	9.2	(1.880.000)	-
261	4. Chi phí trả trước dài hạn		688.337	736.089
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		577.753.465	435.405.071

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2008

Ngàn VNĐ

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		220.592.511	226.674.194
310	I. Nợ ngắn hạn		173.858.958	150.352.818
312	1. Phải trả người bán		10.722.810	3.976.870
313	2. Người mua trả tiền trước		163.545	-
314	3. Thuế phải nộp	10	10.769.778	1.707.233
315	4. Phải trả người lao động		710.717	339.624
316	5. Chi phí phải trả	11	69.811.320	56.029.930
319	6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	12	81.680.788	88.299.161
330	II. Nợ dài hạn		46.733.553	76.321.376
333	1. Phải trả dài hạn khác		600.000	-
334	2. Vay dài hạn		-	60.000.000
335	3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	17.3	46.004.322	16.294.376
336	4. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		129.231	27.000
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	13	357.160.954	208.730.877
410	I. Vốn chủ sở hữu		355.870.426	208.730.877
411	1. Vốn cổ phần đã góp		200.000.000	163.445.160
417	2. Quỹ đầu tư phát triển		4.529.765	-
418	3. Quỹ dự phòng tài chính		2.264.882	-
420	4. Lợi nhuận chưa phân phối		149.075.779	45.285.717
410	II. Nguồn quỹ khác		1.290.528	-
	1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		1.290.528	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		577.753.465	435.405.071

Nguyễn Công Hiệp
Kế toán trưởng



Đoàn Hồng Dũng
Tổng Giám đốc

Ngày 12 tháng 3 năm 2009

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Ngàn VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu	14.1	331.212.837	156.430.834
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần	14.1	331.212.837	156.430.834
11	4. Giá vốn hàng bán		(151.356.838)	(80.483.293)
20	5. Lợi nhuận gộp		179.855.999	75.947.541
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	14.2	18.958.095	1.313.010
22	7. Chi phí tài chính	15	(4.817.705)	(5.144)
24	8. Chi phí bán hàng		(4.693.809)	(6.582.035)
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		(16.996.599)	(9.267.582)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		172.305.981	61.405.790
31	11. Thu nhập khác	16	656.889	201.149
32	12. Chi phí khác		(142.511)	(14.916)
40	13. Lợi nhuận khác		514.378	186.233
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		172.820.359	61.592.023
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	17.2	-	-
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	17.3	(29.709.946)	(16.294.376)
60	17. Lợi nhuận sau thuế		143.110.413	45.297.647
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VNĐ)	19	7.719	4.189


Nguyễn Công Hiệp
Kế toán trưởng




Đoàn Hồng Dũng
Tổng Giám đốc

Ngày 12 tháng 3 năm 2009

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Ngàn VNĐ

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế		172.820.359	61.592.023
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định	7	1.186.663	468.491
03	Các khoản dự phòng		1.982.231	27.000
04	Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		(2.298.839)	-
05	Lỗ thanh lý tài sản cố định		90.135	-
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(12.128.184)	(1.265.055)
08	Lãi từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		161.652.365	60.822.459
09	Tăng các khoản phải thu		(49.117.585)	(101.419.012)
10	Tăng hàng tồn kho		(144.985.614)	(184.342.733)
11	Tăng các khoản phải trả		161.726.282	174.622.552
12	(Tăng) giảm chi phí trả trước		(28.635)	794.016
16	Các khoản chi khác từ hoạt động kinh doanh	13.1	(4.203.492)	-
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		125.043.321	(49.522.718)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(20.936.596)	(5.669.288)
22	Tiền chi đầu tư chứng khoán		52.381	-
25	Tiền chi đầu tư đầu tư		(133.829.007)	(21.221.000)
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia.		12.128.184	1.265.055
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(142.585.038)	(25.625.233)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Nhận vốn góp		20.822.880	135.545.160
33	Tiền vay		-	60.000.000
34	Tiền đã trả nợ gốc vay		(60.000.000)	-
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(13.546.384)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(52.723.504)	195.545.160
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(70.265.221)	120.397.209
60	Tiền tồn đầu năm	3	139.116.313	18.719.104
61	Ảnh hưởng của biến động tỷ giá		354.437	-
70	Tiền tồn cuối năm	3	69.205.529	139.116.313

Nguyễn Công Hiệp
Kế toán trưởng



Đoàn Hồng Dũng
Tổng Giám đốc

Ngày 12 tháng 3 năm 2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5003000142 ngày 23 tháng 5 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Long An cấp và Giấy chứng nhận đầu tư số 50221000001 ngày 1 tháng 12 năm 2006 do Ban Quản Lý Các Khu Công Nghiệp Long An cấp và theo các Giấy phép Điều chỉnh sau đây:

Giấy Chứng nhận Đầu tư số 50221000001 – Điều chỉnh lần 1	Ngày cấp 3 tháng 5 năm 2007
Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 5003000142 – Điều chỉnh lần 1	9 tháng 11 năm 2007
Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 5003000142 – Điều chỉnh lần 2	19 tháng 2 năm 2008

Hoạt động chính của Công ty là xây dựng cơ sở hạ tầng cho khu công nghiệp và cho thuê lại đất đã phát triển cơ sở hạ tầng.

Công ty có trụ sở chính tại Xã Long Hậu, Huyện Cần Giuộc, Tỉnh Long An.

2. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Các báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng ngàn đồng Việt Nam ("Ngàn VNĐ") phù hợp với Hệ thống Kế toán và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam ("CMKTVN") do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4);
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

Công ty thực hiện việc ghi chép sổ sách kế toán bằng VNĐ.

Các chính sách kế toán

Công ty đã áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với năm tài chính trước.

Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng của Công ty là Nhật ký Chung.

Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm kết thúc cùng ngày

2. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

Đầu tư

Đầu tư vào công ty liên kết, chứng khoán và các hoạt động đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế. Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường vào ngày kết thúc năm tài chính.

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

Hàng tồn kho

Chi phí phát triển khu công nghiệp được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá thành bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát triển khu công nghiệp, bao gồm cả chi phí đi vay. Giá trị thuần có thể thực hiện được bao gồm giá bán hiện hành trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành khu công nghiệp và các chi phí bán hàng và tiếp thị ước tính.

Tài sản cố định

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao và khấu trừ

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và khấu trừ tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	25 năm
Phương tiện vận tải	6 năm
Máy móc	5 - 7 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp được vốn hóa vào chi phí phát triển Khu Công nghiệp.

Các khoản phải trả và trích trước

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm kết thúc cùng ngày

2. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Chi phí chờ phân bổ

Chi phí chờ phân bổ được phân bổ trong kỳ mà chi phí được trả trước cho hoặc trong kỳ mà Công ty tạo ra lợi ích từ các khoản chi phí phát sinh.

Trích trước trợ cấp thôi việc

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi năm báo cáo cho toàn bộ công nhân viên đã làm việc tại Công ty được hơn 1 năm với mức trích bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc.

Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ ghi sổ kế toán của Công ty (VNĐ) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm, tài sản và công nợ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá quy định vào ngày kết thúc năm tài chính. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư cuối kỳ được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể chia cho các nhà đầu tư sau khi được các cổ đông chấp thuận và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý của Việt Nam. Cổ tức được công bố từ phần lợi nhuận chưa phân phối căn cứ dựa theo tỷ lệ góp vốn chủ sở hữu quy định trên Giấy Phép đầu tư.

Quỹ dự phòng tài chính

Quỹ dự phòng tài chính được trích lập từ lợi nhuận thuần của Công ty theo đề xuất của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội Cổ đông Thường niên. Quỹ được dành riêng nhằm bảo vệ các hoạt động kinh doanh của Công ty trước các rủi ro hoặc thiệt hại kinh doanh hoặc dự phòng cho các khoản lỗ hoặc thiệt hại và các trường hợp bất khả kháng ngoài dự kiến, ví dụ như hỏa hoạn, bất ổn kinh tế và tài chính của quốc gia hoặc của bất kỳ nơi nào khác, v.v..

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển kinh doanh được trích lập từ lợi nhuận thuần của Công ty theo đề xuất của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội Cổ đông Thường niên. Quỹ này được trích lập nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận thuần của Công ty theo đề xuất của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội Cổ đông Thường niên. Quỹ này được trích lập nhằm khen thưởng và khuyến khích, đãi ngộ vật chất, đem lại phúc lợi chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu kinh doanh cơ sở hạ tầng

Doanh thu từ cho thuê lại đất đã phát triển cơ sở hạ tầng được hạch toán một lần theo phương pháp lô đất, tức là doanh thu được ghi nhận khi đất được chuyển giao cho bên đi thuê trên thực địa và toàn bộ số tiền chuyển nhượng đã được thu hoặc được ghi nhận là phải thu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm kết thúc cùng ngày

2. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Doanh thu từ dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi dịch vụ hoàn tất

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty trước khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc năm tài chính giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

Công ty chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm kết thúc cùng ngày

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Ngàn VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	23.518	23.027
Tiền gửi ngân hàng	29.309.345	110.248.599
Tiền gửi có kỳ hạn	39.872.666	28.844.687
Tổng cộng	69.205.529	139.116.313

4. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	Ngàn VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền đền bù phải thu	1.839.599	-
Chi phí chi hộ Công ty cổ phần BourBon An Hòa (Thuyết minh số 18)	1.027.257	1.753.939
Tiền đền bù phải thu từ Ủy ban Nhân dân Huyện Cần Giuộc, Tỉnh Long An	666.060	666.060
Phải thu khác	2.997.847	134.069
Tổng cộng	6.530.763	2.554.068

5. HÀNG TỒN KHO

Chi phí phát triển khu công nghiệp bao gồm chi phí cho đất đai và xây dựng cơ sở hạ tầng dở dang phát sinh cho Khu Công nghiệp Long Hậu.

6. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	Ngàn VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tạm ứng cho nhân viên	8.118.965	7.344.820
Ký quỹ khác	209.000	182.000
Tổng cộng	8.327.965	7.526.820

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm kết thúc cùng ngày

7. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Ngàn VNĐ				
	Nhà cửa	Máy móc	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	2.921.106	502.410	3.104.994	181.953	6.710.463
Tăng trong năm	972.297	682.390	3.575.677	453.058	5.683.422
Giảm trong năm	-	182.185	-	-	182.185
Số cuối năm	3.893.403	1.002.615	6.680.671	635.011	12.211.700
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số đầu năm	92.786	50.804	338.058	34.128	515.776
Khấu hao trong năm	117.028	77.397	898.002	94.236	1.186.663
Giảm trong năm	-	39.669	-	-	39.669
Số cuối năm	209.814	88.532	1.236.060	128.364	1.662.770
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	2.828.320	451.606	2.766.936	147.825	6.194.687
Số cuối năm	3.683.589	914.083	5.444.611	506.647	10.548.930

8. XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG:

	Ngàn VNĐ	
	Số cuối năm	Số cuối năm
Hệ thống cung cấp nước	16.304.341	-
Xe rửa đường	2.159.149	-
Tổng cộng	18.463.490	-

9. ĐẦU TƯ DÀI HẠN

9.1 Đầu tư vào công ty liên kết

	Ngàn VNĐ		
	% Sở hữu	Chi phí đầu tư	
		Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty cổ phần BourBon An Hòa	25	75.000.000	-
Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn - Hiệp Phước	20	30.000.000	-
Tổng cộng		105.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm kết thúc cùng ngày

9. ĐẦU TƯ DÀI HẠN (tiếp theo)

9.2 Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối năm	Ngàn VNĐ Số đầu năm
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gia Định	19.630.000	-
Công ty Cổ phần Công nghiệp Vĩnh Tường	12.501.000	-
Công ty Cổ phần 3D	7.699.007	-
Công ty Cổ phần Sản Xuất Cáp Quang và Phụ Kiện Việt Đức	7.500.000	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành Phố Hồ Chí Minh	2.720.000	-
Tot Tổng cộng	50.050.007	-
Dự phòng giảm giá trị của các khoản đầu tư dài hạn	(1.880.000)	-
Giá trị còn lại	48.170.007	-

10. THUẾ PHẢI NỘP

	Số cuối năm	Ngàn VNĐ Số đầu năm
Thuế thu nhập cá nhân	1.094.902	1.707.233
Thuế giá trị gia tăng	9.674.876	-
Tổng cộng	10.769.778	1.707.233

11. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Số cuối năm	Ngàn VNĐ Số đầu năm
Chi phí ước tính phát sinh thêm để hoàn thành cơ sở hạ tầng phân bổ cho các khu đất đã được cho thuê	67.943.423	54.341.239
Chi phí môi giới	1.352.851	1.352.851
Chi phí phải trả khác	515.046	335.840
Tổng cộng	69.811.320	56.029.930

12. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm	Ngàn VNĐ Số đầu năm
Đặt cọc đã nhận của việc cho thuê đất đã phát triển cơ sở hạ tầng	56.337.783	82.234.308
Tiền đặt cọc mua lại nền tái định cư phải trả cho Công ty Cổ phần phát triển Nam Sài Gòn	5.574.851	6.020.000
Phải trả Công ty Cổ phần phát triển Nam Sài Gòn cho khoản chi hộ chi phí đền bù và các chi phí triển khai dự án (Thuyết minh số 18)	19.464.027	1.873
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	139.783	-
Các khoản phải trả khác	164.344	42.980
Tổng cộng	81.680.788	88.299.161

Công ty Cổ Phần Long Hậu

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm kết thúc cùng ngày

13. Vốn chủ sở hữu

13.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần đã góp	Quỹ đầu tư và phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Quỹ khen thưởng và phúc lợi	Ngân VNĐ Tổng cộng
Năm trước						
Số đầu năm	27.900.000	-	-	156.256	-	28.056.256
Góp vốn	135.545.160	-	-	-	-	135.545.160
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	45.297.647	-	45.297.647
Trích lập quỹ	-	-	-	(168.186)	168.186	-
Sử dụng các nguồn quỹ	-	-	-	-	(168.186)	(168.186)
Số cuối năm	163.445.160	-	-	45.285.717	-	208.730.877
Năm nay						
Số đầu năm	163.445.160	-	-	45.285.717	-	208.730.877
Góp vốn	36.554.840	-	-	-	-	36.554.840
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	143.110.413	-	143.110.413
Trích lập quỹ	-	4.529.765	2.264.882	(12.288.667)	5.494.020	-
Sử dụng các nguồn quỹ	-	-	-	-	(4.203.492)	(4.203.492)
Cổ tức đã trả	-	-	-	(27.031.684)	-	(27.031.684)
Số cuối năm	200.000.000	4.529.765	2.264.882	149.075.779	1.290.528	357.160.954

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm kết thúc cùng ngày

13. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

13.2 Vốn cổ phần

	Ngàn VNĐ	%
Công ty Cổ phần Phát Triển Công Nghiệp Tân Thuận	91.195.460	46
Jaccar Sas	34.189.900	17
Công ty Cổ phần Việt Âu	25.400.110	13
Công ty Cổ phần Phát triển Nam Sài Gòn	20.000.000	10
Các cổ đông khác	29.214.530	14
Tổng cộng vốn cổ phần đã góp	200.000.000	100
Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh		
Vốn cổ phần còn phải góp	200.000.000	

13.3 Số cổ phiếu đã phát hành

	Số cổ phiếu	Ngàn VNĐ Mệnh giá
Vào ngày 31/12/2006	2.790.000	27.900.000
Cổ phiếu mới đã phát hành	13.554.516	135.545.160
Vào ngày 31/12/2007	16.344.516	163.445.160
Cổ phiếu mới đã phát hành	3.655.484	36.554.840
Vào ngày 31/12/2008	20.000.000	200.000.000

14. DOANH THU

14.1 Doanh thu

	Năm nay	Ngàn VNĐ Năm trước
Doanh thu cho thuê đất đã phát triển cơ sở hạ tầng	330.052.918	156.412.352
Doanh thu cho thuê văn phòng	598.308	18.482
Doanh thu từ các hoạt động khác	561.611	-
Tổng cộng	331.212.837	156.430.834

14.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Ngàn VNĐ Năm trước
Lãi tiền gửi	10.691.184	1.265.055
Cổ tức được chia	1.437.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	2.298.839	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	4.531.072	47.955
Tổng cộng	18.958.095	1.313.010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm kết thúc cùng ngày

15. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Ngàn VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.937.705	5.144
Dự phòng đầu tư dài hạn	1.880.000	-
Tổng cộng	4.817.705	5.144

16. THU NHẬP KHÁC

	Ngàn VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Tiền phạt nhà thầu	250.000	76.806
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	52.381	-
Thu nhập khác	354.508	124.343
Tổng cộng	656.889	201.149

17. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (THUẾ "TNDN")

Đối với lĩnh vực kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu Công nghiệp :

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") với mức thuế suất bằng 10% lợi nhuận chịu thuế trong 15 năm đầu tiên và bằng 25% trong các năm tiếp theo. Công ty được miễn thuế TNDN trong 4 năm tính từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi và được giảm 50% thuế TNDN trong 9 năm tiếp theo.

Đối với các lĩnh vực kinh doanh khác:

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") với mức thuế suất bằng 20% lợi nhuận chịu thuế trong 10 năm đầu tiên và bằng 25% trong các năm tiếp theo. Công ty được miễn thuế TNDN trong 2 năm tính từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi và được giảm 50% thuế TNDN trong 6 năm tiếp theo.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

17.1 Chi phí thuế TNDN

	Ngàn VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Thuế TNDN hiện hành	-	-
Thuế TNDN hoãn lại	29.709.946	16.294.376
Tổng cộng	29.079.946	16.294.376

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm kết thúc cùng ngày

17. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (THUẾ “TNDN”) (tiếp theo)

17.2 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc năm tài chính.

	Ngàn VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận trước thuế	172.820.359	61.592.023
Các điều chỉnh tăng (giảm) lợi nhuận theo kế toán		
Doanh thu đã ghi nhận nhưng chịu thuế theo thời gian còn lại của đất cho thuê	(473.607.718)	(153.344.059)
Giá vốn đã ghi nhận nhưng được khấu trừ theo thời gian còn lại của đất cho thuê	225.420.690	87.221.864
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	(2.298.839)	-
Cổ tức nhận được trong năm	(1.437.000)	-
Chi phí hoa hồng cho người môi giới	1.352.851	-
Chi phí không được khấu trừ khác	515.046	910.872
(Lỗ) lợi nhuận tính thuế	(77.234.611)	(3.619.300)
Thuế TNDN ước tính năm hiện hành	-	-
Thuế TNDN phải trả năm hiện hành	-	-
Thuế TNDN phải trả đầu năm	-	-
Thuế TNDN đã trả trong năm	-	-
Thuế TNDN phải trả cuối năm	-	-

17.3 Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Ngàn VNĐ			
	Bảng cân đối kế toán		Ảnh hưởng đến Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ doanh thu đã ghi nhận nhưng chịu thuế theo thời gian của đất đã cho thuê	46.004.322	16.294.376	(29.709.946)	(16.294.376)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm kết thúc cùng ngày

17. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (THUẾ “TNDN”) (tiếp theo)

17.4 Lỗ chuyển sang năm sau

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang kỳ sau để bù trừ với lợi nhuận chịu thuế trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có khoản lỗ tính thuế lũy kế là 82.073.978 ngàn VNĐ có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

Năm phát sinh	Năm kết thúc	Phần lỗ tính thuế lũy kế	Đã sử dụng tại 31.12.2008	Ngàn VNĐ	
				Khấu trừ	Chưa sử dụng tại 31.12.2008
2006	2011	1.220.067	-	-	1.220.067
2007	2012	3.619.300	-	-	3.619.300
2008	2013	77.234.611	-	-	77.234.611
Tổng cộng		82.073.978	-	-	82.073.978

Phần lỗ tính thuế lũy kế cho năm 2006 và 2007 đã được kiểm toán bởi cơ quan thuế.

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần lỗ tính thuế lũy kế này do không thể dự tính được khả năng thu hồi lợi ích trong tương lai tại thời điểm này dưới sự ảnh hưởng của thời gian miễn thuế 4 năm.

18. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

Công ty có liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngàn VNĐ	
			Giá trị	
Công ty Cổ phần Phát Triển Nam Sài Gòn	Công ty liên quan	Góp vốn	20.000.000	

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, khoản phải thu bên, phải trả với các bên liên quan được thể hiện như sau:

Công ty có liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngàn VNĐ	
			Giá trị phải thu (Phải trả)	
Công ty Cổ phần Phát Triển Nam Sài Gòn	Công ty liên quan	Trả hộ tiền đền bù đất	(19.464.027)	
Công ty Cổ phần BourBon An Hòa	Công ty liên kết	Chi hộ	1.027.257	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm kết thúc cùng ngày

19. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

		Nghàn VNĐ
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận thuộc cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (Nghàn VNĐ)	143.110.413	45.297.647
Số cổ phiếu bình quân lưu hành trong kỳ	18.539.353	10.812.645
Lãi trên mỗi cổ phiếu (VNĐ)	7.719	4.189

20. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các báo cáo tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 và cho năm kế toán kết thúc cùng ngày đã được Tổng Giám đốc phê duyệt để phát hành vào ngày 12 tháng 3 năm 2009.



Nguyễn Công Hiệp
Kế toán trưởng



Đoàn Hồng Dũng
Tổng Giám đốc

Ngày 12 tháng 3 năm 2009

